

Số: 2298 /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 21 tháng 10 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành và Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định theo thẩm quyền được giao tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở và văn bản hướng dẫn thi hành

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm pháp luật dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành và Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định theo thẩm quyền được giao tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở và văn bản hướng dẫn thi hành.

(Đính kèm 02 Danh mục).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân quận, huyện và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / . . .

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (Vụ các VDCXDPL);
- TT.TU; TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- VP.UBND TP (2,3,4,7);
- Công thông tin điện tử TP;
- Lưu: VT, P.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Nguyen Ngoc He*  
**Nguyễn Ngọc Hà**



**DANH MỤC**

Văn bản quy phạm pháp luật dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành để quy định theo thẩm quyền được giao tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở và văn bản hướng dẫn thi hành (13 nội dung)

(Kèm theo Quyết định số 2298 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành để quy định theo thẩm quyền được giao tại Luật Đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành (10 nội dung)**

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
1	Luật Đất đai	Khoản 6 Điều 16. Trách nhiệm của Nhà nước về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số	6. Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách của địa phương về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và tổ chức thực hiện.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý IV/2024
2	Luật Đất đai	Điểm a khoản 1 Điều 126. Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV/2024

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
		đất			
3	Luật Đất đai	Khoản 3 Điều 159	<p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất để công bố và áp dụng từ ngày 01 tháng 01 của năm tiếp theo.</p> <p>Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất trong năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.</p>	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý IV/2025
	Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất	Khoản 1 Điều 14	5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bảng giá đất, công bố công khai và chỉ đạo cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.		
4	Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất	Khoản 2 Điều 20. Xác định vị trí đất trong xây dựng bảng giá đất	2. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và tình hình thực tế tại địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí cụ thể để xác định vị trí đối với từng loại đất, số lượng vị trí đất trong bảng giá đất. Đối với thửa đất, khu đất có yếu tố thuận lợi hoặc kém thuận lợi trong việc sử dụng đất, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh được quy định tăng hoặc giảm mức giá như sau:	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý IV/2024
5	Nghị định số 103/2024/NĐ-	Khoản 15 Điều 38	15. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Quý IV/2024

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	Khoản 3 Điều 39	<p>dân cùng cấp quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận.</p> <p>Chế độ ưu đãi được quy định theo nguyên tắc: mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê, mức tối thiểu bằng mức ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này. Người sử dụng đất không được tính tiền thuê đất được miễn vào giá thành sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho xã hội.</p> <p><b>Điều 39. Miễn tiền thuê đất</b></p> <p>3. Miễn tiền thuê đất sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với trường hợp sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này, cụ thể như sau:</p> <p>...</p> <p>g) <i>Miễn tiền thuê đất đối với các dự án quy</i></p>		



STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
		Khoản 7 Điều 48.	<p><i>định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định này theo mức do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định.</i></p> <p>7. Có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:</p> <p>a) Chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định này.</p> <p>b) Cho phép người sử dụng đất được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trong Khu công nghệ cao không phải hoàn trả ngân sách nhà nước kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được Nhà nước bố trí từ ngân sách nhà nước (không bao gồm trường hợp ứng vốn từ Quỹ phát triển đất) theo quy định tại khoản 8 Điều 31 Nghị định này.</p>		
	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng	Khoản 1 Điều 15	<p><b>Điều 15. Sử dụng kinh phí hỗ trợ</b></p> <p>1. Việc sử dụng nguồn kinh phí do người được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa phải nộp theo quy định tại khoản 1 Điều 12</p>		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	lúa		và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ sản xuất lúa trong dự toán chi cân đối ngân sách địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập trình Hội đồng nhân dân cùng cấp căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, quyết định cụ thể nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ cho các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.		
6	Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	Điểm a khoản 1 Điều 26	Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.	Sở Tài chính	Quý IV/2024
		Điểm c khoản 2 Điều 27 Quy định đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm	Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.		
		Khoản 3 Điều 28 Quy định đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm	Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.		



II. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành để quy định theo thẩm quyền được giao tại Luật Nhà ở và văn bản hướng dẫn thi hành (03 nội dung)

TT	Tên Luật	Tên điều khoản	Nội dung giao QĐCT, hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
1	Luật Nhà ở (có 01 nội dung)	Điểm d khoản 1 Điều 63	<p>Điều 63. Cơ chế ưu đãi để thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư</p> <p>1. Chủ đầu tư dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư quy định tại khoản 1 Điều 62 của Luật này được hưởng các cơ chế ưu đãi sau đây:</p> <p>...</p> <p>d) Được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách địa phương để xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi dự án theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;</p>	Sở Xây dựng	Quý IV/2024
	Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở (có 01 nội dung)	Điểm h Điều 93	<p><b>Điều 93. Trách nhiệm quản lý nhà nước về nhà ở của địa phương</b></p> <p>h) Ban hành mới, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề nghị Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về nhà ở thuộc thẩm quyền ban hành cho phù hợp với Luật Nhà ở và Nghị định này; tổ chức tập huấn, phổ biến, tuyên truyền các văn bản pháp luật về nhà ở và vận động các tổ chức, cá nhân trên địa bàn chấp hành các quy định của pháp luật về nhà ở; trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành cơ chế ưu đãi của địa phương đối với chủ đầu tư khi tham gia cải tạo xây dựng lại chung cư theo quy định của Luật Nhà ở;</p>		



TT	Tên Luật	Tên điều khoản	Nội dung giao QDCT, hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (có 01 nội dung)	Khoản 1 Điều 31	<p><b>Điều 31. Hỗ trợ đối với chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư và chủ đầu tư dự án</b></p> <p>1. Ngoài việc được bồi thường, tái định cư theo quy định tại Điều 28, Điều 29 và Điều 30 của Nghị định này, căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức hỗ trợ thêm từ nguồn ngân sách chi thường xuyên của địa phương đối với các trường hợp sau:</p> <p>a) Người được bồi thường, tái định cư là người có công với cách mạng theo pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; người khuyết tật; hộ gia đình nghèo, cận nghèo theo quy định của Chính phủ tại thời điểm thực hiện hỗ trợ trong trường hợp đối tượng này mua, thuê mua phần diện tích chênh lệch (nếu có) theo quy định tại khoản 2 Điều 28 của Nghị định này;</p> <p>b) Hỗ trợ chủ đầu tư một phần hoặc toàn bộ kinh phí di dời, cưỡng chế di dời theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 73 và điểm b khoản 4 Điều 74 của Luật Nhà ở;</p> <p>c) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí để chủ đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi của dự án theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 63 của Luật Nhà ở;</p> <p>d) Mức hỗ trợ quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều này được nêu trong phương án bồi thường, tái định cư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.</p>		



**DANH MỤC**

**Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định theo thẩm quyền được giao tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở và văn bản hướng dẫn thi hành (76 nội dung)**  
*(Kèm theo Quyết định số: 2298/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định theo thẩm quyền được giao tại Luật Đất đai và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai (57 nội dung)**

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
1	Luật Đất đai	Khoản 4 Điều 102. Bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng trên đất khi Nhà nước thu hồi đất	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng quy định tại Điều này để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 10/2024
		Khoản 4 Điều 103. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi	4. Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển thì được bồi thường thiệt hại thực tế theo mức bồi thường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;		
		Khoản 6 Điều 103.	6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
		Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi	quy trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.		
		Khoản 2 Điều 104. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất	2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường tại khoản 1 Điều này.		
		Điểm b khoản 4 Điều 109. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất	4. Việc tổ chức thực hiện hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ được quy định như sau: b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định và điều kiện thực tế tại địa phương quy định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với từng đối tượng được hỗ trợ quy định tại khoản 2 và 3 Điều này; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại điểm c khoản này;		
		Khoản 5 Điều 109. Hỗ	5. Mức hỗ trợ cụ thể tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
		trợ đào tạo, chuyên đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất	kiện thực tế của địa phương.		
		Khoản 7 Điều 111. Bố trí tái định cư	7. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở; thời gian và mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tế tại địa phương. Trường hợp thu hồi đất ở để thực hiện các mục đích khác thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ nếu tại khu vực thu hồi đất có quỹ đất, quỹ nhà tái định cư. Ưu tiên vị trí thuận lợi cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất ở kết hợp với kinh doanh dịch vụ, người có đất thu hồi là người có công với cách mạng. Có cơ chế thường đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn.		
		Khoản 10 Điều 111. Bố trí tái định cư	10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quy định chi tiết về cơ chế thường quy định tại khoản 7 Điều này và suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều này; quyết định việc hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	Khoản 3 Điều 4. Bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại khoản 1 Điều 96, khoản 1 Điều 98, khoản 1 Điều 99 của Luật Đất đai	<p>hộ gia đình còn thiếu theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quỹ đất, quỹ nhà và tình hình thực tế tại địa phương quy định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho người có đất thu hồi quy định tại Điều này.</p> <p>a)... Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, nhưng mức bồi thường không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại;</p> <p>d) Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường cụ thể cho phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương.</p>		
		Khoản 2	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
		Điều 15. Bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mã khi Nhà nước thu hồi đất	thường, hỗ trợ tại khoản này phù hợp với tập quán và thực tế tại địa phương.		
		Điều 16. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ	Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp; mức bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.		
		Điểm b khoản 2 Điều 17	Trường hợp chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại.		
		Điểm c khoản 1 Điều 18	Trường hợp không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất thì việc xác định mức bồi thường thiệt hại do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định cụ thể.		
		Khoản 1 Điều 21. Hỗ trợ di dời vật	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định các trường hợp, biện pháp, mức hỗ trợ di dời đối với từng loại		



STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
		<p>nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn</p>	<p>vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất để hỗ trợ cho chủ sở hữu vật nuôi khi phải di dời.</p>		
		<p>Khoản 2 Điều 21. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo</p>	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định các trường hợp, biện pháp, mức hỗ trợ tháo dỡ, phá dỡ, di dời cho chủ sở hữu công trình cho phù hợp với từng trường hợp cụ thể.</p>		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
		pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn			
		Khoản 3 Điều 22. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất	3. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm quy định tại Điều 109 của Luật Đất đai do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương nhưng không quá 05 (năm) lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại địa phương theo quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai.		
		Khoản 2 Điều 23. Hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy mô diện tích đất ở thu hồi, số nhân khẩu của hộ gia đình và điều kiện cụ thể tại địa phương quy định mức hỗ trợ tại khoản 1 Điều này cho phù hợp.		
		Điểm c khoản 1 Điều 24. Bố trí tái định cư	1. Suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai thực hiện như sau: c) Căn cứ quy định tại điểm a và điểm b khoản này và tình hình cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định suất tái định cư tối thiểu bằng đất ở, nhà ở, bằng nhà ở và bằng tiền.		
		Khoản 2 Điều 24. Bổ	2. Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá		





STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
		trí tái định cư	<p>đỡ nhà mà không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn cấp huyện nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở về bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê; trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu và địa phương có quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư, nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì được xem xét giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, bán nhà ở; trường hợp tự lo chỗ ở mới thì được hỗ trợ bằng tiền.</p> <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc hỗ trợ thuê nhà ở, giao đất ở, bán nhà ở, hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở quy định tại khoản này.</p>		
		Khoản 8 Điều 27. Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư	<p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; trường hợp địa phương chưa quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán, thanh quyết toán chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho từng dự án theo định mức, tiêu chuẩn, đơn giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định.</p>		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
2	Luật Đất đai	Điều n khoản 1 Điều 137. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất	n) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tiễn của địa phương.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 11/2024
		Khoản 2 Điều 226	2. Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương; <i>quy định việc phối hợp giữa các cơ quan có liên quan ở địa phương để giải quyết thủ tục hành chính về đất đai và thủ tục hành chính khác có liên quan; tổ chức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.</i>		
	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi	Khoản 6 Điều 13	6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai với cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan tài chính, cơ		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai		<i>quan thuế và các cơ quan, đơn vị khác có liên quan phải theo các nguyên tắc sau:...</i>		
		Khoản 6 Điều 14	<i>6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chế phối hợp thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa Trung tâm phát triển quỹ đất cấp tỉnh, Trung tâm phát triển quỹ đất cấp huyện với cơ quan có chức năng quản lý đất đai ở địa phương, cơ quan tài chính và cơ quan, đơn vị khác có liên quan theo các nguyên tắc quy định tại các điểm a, b và c khoản 6 Điều 13 Nghị định này.</i>		
		Khoản 7 Điều 43	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể trình tự, thủ tục cho thuê quỹ đất ngắn hạn tại địa phương</i>		
		Khoản 2 Điều 45	<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian thực hiện các bước công việc cụ thể theo nguyên tắc giảm ít nhất một nửa thời gian thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.</i>		
		Khoản 4 Điều 53	<i>Hội đồng xét duyệt cá nhân đủ điều kiện giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để ban hành điều kiện, trình tự, thủ tục thẩm định để giao đất không đấu giá quyền sử dụng đất cho cá nhân.</i>		
	Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính	Khoản 6 Điều 48.	<b>Điều 48. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</b>  ...		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	phù quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất		6. Căn cứ trình tự, thủ tục giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, gia hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất, xác định giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại các Nghị định về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, về giá đất và quy định về trình tự, thủ tục tính, thu, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này để xây dựng và ban hành Quy định về quy trình luân chuyển hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai phù hợp với thực tế của địa phương.		
3	Luật Đất đai	Khoản 4 Điều 139. Giải quyết đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014	4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp thì được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; nếu vượt hạn mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thì diện tích vượt hạn mức phải chuyển sang thuê đất của Nhà nước.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 11/2024
		Khoản 5 Điều 141. Xác định diện tích đất ở khi công nhận quyền sử dụng đất	5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện, tập quán tại địa phương quy định cụ thể hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
			15 tháng 10 năm 1993.		
		Khoản 5 Điều 176. Hạn mức giao đất nông nghiệp	5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.		
		Khoản 3 Điều 177. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân	3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này để quy định cụ thể hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.		
		Khoản 3 Điều 178. Đất nông nghiệp do cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng	3. Người sử dụng đất nông nghiệp được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật này; được sử dụng một diện tích đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Trường hợp sử dụng đất trồng lúa thì thực hiện theo quy định tại Điều 182 của Luật này.		
		Khoản 2 Điều 195. Đất ở tại nông thôn	2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn		
		Khoản 2 Điều 196. Đất ở tại đô thị	2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị.		
		Khoản 4 Điều 213. Đất tôn giáo	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhu cầu thực tế về hoạt động tôn giáo và khả năng quỹ đất của địa phương để quy định hạn mức và		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
			quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh.		
	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa	Khoản 1 Điều 9	<p><b>Điều 9. Xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa</b></p> <p><i>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa đảm bảo tuân thủ các điều kiện sau:</i></p> <p>a) Không làm ảnh hưởng đến công trình thủy lợi, công trình đê điều, giao thông nội đồng, diện tích đất trồng lúa liền kề;</p> <p>b) Công trình chỉ được xây dựng 01 tầng, không được xây dựng tầng hầm;</p> <p>c) Khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình phải tập trung, có diện tích tối thiểu từ 50 ha;</p> <p>d) Công trình phục vụ theo mục đích được quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định này.</p>		
4	Luật Đất đai	Khoản 4 Điều 220. Tách thửa đất, hợp thửa đất	4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, quy định pháp luật có liên quan và phong tục, tập quán tại địa phương để quy định cụ thể điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 10/2024
5	Nghị định số 71/2024/NĐ-CP	Điểm d khoản 2 Điều 6.	d) Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 11/2024

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất	<p>Trình tự, nội dung xác định giá đất theo phương pháp thặng dư</p> <p>Điểm đ khoản 3 Điều 6. Trình tự, nội dung xác định giá đất theo phương pháp thặng dư</p>	<p>với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể tỷ lệ bán hàng, tỷ lệ lấp đầy để áp dụng chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.</p> <p>Trường hợp trong các văn bản về chủ trương đầu tư hoặc hồ sơ mời thầu thực hiện dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt, chấp thuận dự án đầu tư chưa xác định thời gian bán hàng, thời điểm bắt đầu bán hàng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương cho các nhóm dự án cùng mục đích sử dụng đất chính hoặc từng dự án cụ thể để áp dụng.</p> <p>d) Căn cứ thông tin về các dự án tương tự trong khu vực định giá hoặc khu vực lân cận gần nhất, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các tỷ lệ % để xác định chi phí kinh doanh; chi phí lãi vay, lợi nhuận của nhà đầu tư có tính đến vốn chủ sở hữu, rủi ro trong kinh doanh cho các nhóm dự án cùng mục đích sử dụng đất chính hoặc từng dự án cụ thể để áp dụng chậm nhất từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Trong trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.</p> <p>Trường hợp trong các văn bản về chủ</p>		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
			trương đầu tư hoặc hồ sơ mời thầu thực hiện dự án đầu tư hoặc quyết định phê duyệt, chấp thuận dự án đầu tư chưa xác định thời gian xây dựng, tiến độ xây dựng thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương cho các nhóm dự án cùng mục đích sử dụng đất chính hoặc từng dự án cụ thể để áp dụng.		
	Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa	Khoản 2 Điều 13	<p><b>Điều 13. Trình tự, thủ tục nộp tiền để nhà nước bổ sung diện tích đất chuyên trồng lúa bị mất hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất trồng lúa</b></p> <p>2. Trong thời hạn 05 ngày, cơ quan tài chính cùng cấp căn cứ văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa của cơ quan tài nguyên và môi trường, <i>bảng giá loại đất trồng lúa tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định</i>, xác định số tiền phải nộp theo mẫu tại Phụ lục XIII ban hành kèm theo Nghị định này gửi cơ quan tài nguyên và môi trường và người được nhà nước giao đất, cho thuê đất.</p>		
6	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật	Khoản 4 Điều 47	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết việc rà soát, công bố công khai, quy định cụ thể việc lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt tại địa phương.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý IV/2024



STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	Đất đai				
7	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai	Khoản 2 Điều 46	2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương để quy định tiêu chí, điều kiện cụ thể việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để bảo đảm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả đáp ứng với yêu cầu bảo đảm an ninh lương thực và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh đối với trường hợp không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 11/2024
8	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai	Điểm b khoản 4 Điều 13	b) Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp gồm thu từ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí, thu từ các dịch vụ công về đất đai, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật. Đối với thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận thì thu phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận gồm kiểm tra tính đầy đủ của thành phần hồ sơ, tính thống nhất về nội dung thông tin giữa các giấy tờ thuộc thành phần hồ sơ, các điều kiện đăng ký, cấp Giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật về đất đai; đối với các công việc còn lại của thủ tục thì thu dịch vụ theo <i>giá cung cấp dịch vụ công do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành</i> .	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 11/2024
		Điểm b khoản 4 Điều 14	Tiền bán hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất, kinh phí tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất thu được theo quy định của pháp luật và <i>quy định cụ thể của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i> .		
9	Nghị định số 103/2024/NĐ-	Điểm a khoản 1 Điều 26	Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức tỷ lệ phần	Sở Tài chính	Quý IV/2024

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất	<p>Điểm c khoản 2 Điều 27 Quy định đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm</p> <p>Khoản 3 Điều 28 Quy định đơn giá thuê đất xây dựng công trình ngầm</p> <p>Khoản 1 Điều 48. Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</p>	<p>trăm (%) tính đơn giá thuê đất theo từng khu vực, tuyến đường tương ứng với từng mục đích sử dụng đất sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.</p> <p>Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại điểm a, điểm b khoản này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.</p> <p>Căn cứ vào thực tế địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể mức đơn giá thuê đất quy định tại khoản 2 Điều này sau khi xin ý kiến của Hội đồng nhân dân cùng cấp.</p> <p>Ban hành mức tỷ lệ (%) để tính đơn giá thuê đất, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất xây dựng công trình ngầm, mức tỷ lệ (%) thu đối với đất có mặt nước và quyết định giá đất cụ thể theo thẩm quyền làm căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.</p>		
10	Nghị định số	Khoản 1	Thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê		



STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất	Điều 15. Kế hoạch ứng vốn và điều kiện ứng vốn từ Quỹ phát triển đất	duyet Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Sở Tài chính	Quý IV/2024
		Khoản 1 Điều 16. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.		
		Điều d khoản 3 Điều 26. Trách nhiệm thi hành	Ban hành quy định về thẩm quyền, quy trình lập, tổng hợp, phê duyệt Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất; quy định thẩm quyền quyết định ứng vốn từ Quỹ phát triển đất.		
11	Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai	khoản 3 Điều 59	3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập quy định tại khoản 1 Điều này.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 10/2024
12	Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy	Khoản 6 Điều 17	Điều 17. Trình tự điều chỉnh bảng giá đất đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 257 Luật Đất đai 6. Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý IV/2024

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	định về giá đất		bảng giá đất, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh bảng giá đất theo thành phần hồ sơ quy định tại khoản 3 Điều 15 của Nghị định này.		
13	Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất	Khoản 3 Điều 8. Các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất	3. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tham mưu, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các yếu tố ảnh hưởng đến giá đất, mức độ chênh lệch tối đa của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất để xác định mức tương đồng nhất định, cách thức điều chỉnh đối với từng mức độ chênh lệch của từng yếu tố ảnh hưởng đến giá đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý IV/2024
14	Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai	Khoản 5 Điều 14	5. Biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này:  Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm, trừ trường hợp việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm không có tính khả thi trên thực địa. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ tình hình thực tế tại địa phương để quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Quý IV/2024

**II. Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định theo thẩm quyền được giao tại Luật Nhà ở và văn bản hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở (19 nội dung)**

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
1	Luật Nhà ở	Khoản 4 Điều 5	Đối với khu vực đô thị, việc phát triển nhà ở chủ yếu được thực hiện theo dự án, có các cơ cấu loại hình, diện tích nhà ở phù hợp với nhu cầu của thị trường. Đối với các khu vực còn lại thì căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các địa điểm, vị trí phải phát triển nhà ở theo dự án. Tại đô thị loại I, tại các phường, quận, thành phố thuộc đô thị loại đặc biệt thì chủ yếu phát triển nhà chung cư.	Sở Xây dựng	Tháng 10/2024
		Điểm c khoản 3 Điều 57	3. Cá nhân có quyền sử dụng đất ở theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật này xây dựng nhà ở có từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê thì phải thực hiện theo quy định sau đây: ... c) Đáp ứng điều kiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân.		
		Khoản 2 Điều 120	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở tại địa phương để bảo đảm thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở ghi trong hồ sơ nhà ở.		
2	Luật Nhà ở	Khoản 3 Điều 87	3. Giá thuê nhà ở xã hội, bao gồm cả kinh phí bảo trì nhà ở, do chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thỏa	Sở Xây dựng	Quý IV/2024

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
			thuận với bên thuê theo khung giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.		
		khoản 5 Điều 87	5. Đối với nhà ở xã hội do cá nhân tự đầu tư xây dựng thì giá thuê nhà ở phải bảo đảm phù hợp với khung giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.		
		Điều 99	Giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp do bên cho thuê thỏa thuận với bên thuê theo khung giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.		
		Khoản 7 Điều 151	<p>7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư để áp dụng cho các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Thu kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư thuộc tài sản công trên địa bàn;</p> <p>b) Làm cơ sở để các bên tham khảo khi thỏa thuận giá dịch vụ quản lý vận hành đối với nhà ở không thuộc tài sản công hoặc trong trường hợp có tranh chấp về giá dịch vụ giữa đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư với chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư; trường hợp không thỏa thuận được giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư thì áp dụng mức giá trong khung giá dịch vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.</p>		



STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở	<p>Khoản 2 Điều 31</p> <p>Khoản 6 Điều 31</p> <p>Khoản 3 Điều 59</p>	<p><b>Điều 31. Phương pháp xác định giá thuê nhà ở công vụ</b></p> <p>...</p> <p>2. Đối với trường hợp đầu tư xây dựng dự án nhà ở công vụ hoặc mua toàn bộ dự án nhà ở thương mại để làm nhà ở công vụ thì giá thuê nhà ở công vụ được xác định như sau:</p> <p>a) Chi phí quản lý vận hành bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản chi phí khác của đơn vị quản lý vận hành nhà ở công vụ; chi phí cho các dịch vụ trong khu nhà ở công vụ theo quy định; chi phí điện, nước sinh hoạt cho bộ máy văn phòng làm việc của đơn vị quản lý vận hành; chi phí điện chiếu sáng công cộng, các phụ tải tiêu thụ điện khác trong khu nhà ở và các chi phí khác theo quy định; <i>giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở công vụ được thực hiện theo khung giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành áp dụng trên địa bàn nơi có nhà ở công vụ;</i></p> <p>6. Căn cứ phương pháp xác định giá thuê nhà ở công vụ quy định tại Điều này, <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành khung giá cho thuê nhà ở công vụ do địa phương quản lý trên địa bàn.</i></p> <p><b>Điều 59. Đơn vị quản lý vận hành nhà ở thuộc tài sản công, giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư</b></p> <p>...</p>		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
			<p>3. Nội dung các chi phí cấu thành giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư và phương pháp xác định giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư được thực hiện theo quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p><i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn theo quy định tại khoản 7 Điều 151 của Luật Nhà ở; khi có sự thay đổi về các quy định của pháp luật, điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương dẫn đến làm tăng hoặc giảm từ 10% trở lên chi phí dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư so với khung giá mà Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã ban hành quy định tại khoản này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành mới để áp dụng trên địa bàn cho phù hợp.</i></p>		
		Điều 66	<p><b>Điều 66. Giá thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công</b></p> <p>1. Đối với nhà ở được bố trí sử dụng trước ngày 05 tháng 7 năm 1994 (ngày ban hành Nghị định số 61/CP của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở, sau đây gọi tắt là Nghị định số 61/CP) mà chưa được cải tạo, xây dựng lại thì <i>giá thuê nhà ở được xác định theo giá cho thuê nhà ở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định tại khoản 3 Điều này.</i></p> <p>3. Trên cơ sở bảng giá chuẩn quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này và giá thuê nhà ở đang được địa phương áp dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách</i></p>		





STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
			<p><i>nhiệm quy định giá cho thuê cụ thể đối với nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn, bảo đảm phù hợp với cấp đô thị, vị trí, tầng cao và điều kiện hạ tầng kỹ thuật của nhà ở cho thuê và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương tại thời điểm xác định giá thuê theo quy định của Nghị định này.</i></p> <p>Căn cứ vào thời gian đã sử dụng, mức độ hư hỏng, xuống cấp của nhà ở cho thuê, mức độ mà người thuê nhà đã đầu tư sửa chữa các hư hỏng của nhà ở, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh giảm giá cho thuê nhà ở nhưng mức giảm tối đa không được vượt quá 30% số tiền phải trả theo giá chuẩn quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này.</p>		
	<p>Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội</p>	<p>Khoản 2 Điều 34</p>	<p><b>Điều 34. Xác định giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn</b></p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý tài chính cùng cấp tổ chức lập và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành khung giá cho thuê nhà ở xã hội. Trong quá trình tổ chức lập khung giá cho thuê nhà ở xã hội trên địa bàn cấp tỉnh, cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh được thuê đơn vị tư vấn lập và xác định khung giá cho thuê nhà ở xã hội.</p>		
		<p>Khoản 10 Điều 75</p>	<p><b>Điều 75. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</b></p> <p>...</p> <p>10. Ban hành giá dịch vụ quản lý vận hành nhà ở tại các</p>		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	<p>Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở</p>	<p>Điểm g khoản 1 Điều 47</p>	<p><i>dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân để áp dụng thống nhất trên địa bàn.</i></p> <p><b>Điều 47. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh</b></p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có các trách nhiệm sau đây:</p> <p>...</p> <p>g) Ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định tại khoản 7 Điều 151 của Luật Nhà ở.</p>		
	<p>Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở</p>	<p>Điểm d khoản 1 Điều 93</p>	<p><b>Điều 93. Trách nhiệm quản lý nhà nước về nhà ở của địa phương</b></p> <p>1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>...</p> <p>d) Ban hành quy định cụ thể việc quản lý, sử dụng nhà biệt thự, nhà chung cư; tiếp nhận và quản lý nhà ở tự quản trên địa bàn, kể cả trường hợp không còn cơ quan tự quản để bàn giao; hướng dẫn cụ thể việc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở thuộc tài sản công, nhà ở phục vụ tái định cư được giao quản lý tại địa phương; tổ chức thu hồi, cưỡng chế thu hồi nhà ở thuộc tài sản công theo quy định tại Điều 127 của Luật Nhà ở và quy định của Nghị định này; chỉ đạo, phân giao cơ quan chức năng</p>		



STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
			thực hiện các công việc khác có liên quan bảo đảm quản lý, sử dụng, vận hành nhà ở thuộc tài sản công theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật có liên quan;		
		Điểm d khoản 1 Điều 93	đ) <i>Quy định tiêu chí, xác định danh mục nhà ở có giá trị nghệ thuật, kiến trúc, văn hóa, lịch sử (bao gồm cả nhà biệt thự, nhà ở cổ) theo quy định của Luật Nhà ở; quyết định thành lập Hội đồng xác định danh mục và ban hành quyết định phê duyệt danh mục nhà ở này để thực hiện quản lý theo quy định của Luật Nhà ở, Nghị định này và pháp luật có liên quan;</i>		
	Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư	Điểm d khoản 1 Điều 46	<b>Điều 46. Trách nhiệm của địa phương</b> 1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: ... đ) <i>Ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách cụ thể phù hợp với điều kiện của địa phương để thực hiện dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư trên địa bàn; đối với các tỉnh, thành phố có cơ chế chính sách đặc thù thì căn cứ vào cơ chế đặc thù để phân cấp, ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ trong công tác cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư phù hợp với tình hình thực tế của địa phương;</i>		
	Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26	Khoản 6 Điều 75	<b>Điều 75. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương</b>		

STT	Tên văn bản	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QĐCT	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian trình ban hành
	tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội		... <i>6. Quy định cụ thể và công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng và điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn phù hợp với điều kiện của từng địa phương.</i>		
	Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở	Điểm a khoản 1 Điều 47	<b>Điều 47. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan quản lý nhà ở cấp tỉnh</b> 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có các trách nhiệm sau đây: a) Chỉ đạo triển khai thực hiện các quy định của Quy chế này trên địa bàn; <i>căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và Quy chế này, ban hành quy định hướng dẫn cụ thể việc quản lý, sử dụng nhà chung cư để áp dụng trên địa bàn;</i>		